

Tập 271

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm sáu mươi lăm:

(Kinh) Thị cố Xá Lợi Phất, nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết.

(Sớ) Giai đương tín thọ, thị vi đệ tam trùng khuyến.

(經)是故舍利弗。汝等皆當信受我語。及諸佛所說。

(疏)皆當信受，是為第三重勸。

(Kinh: Do vậy, này Xá Lợi Phất! Các ông hãy đều nên tin nhận lời ta và lời chư Phật đã nói.

Sớ: “Đều nên tin nhận” là khuyến lần thứ ba).

Trong hội này, đức Phật khuyến chúng ta tin tưởng lời đức Phật đã nói. Đây là lần thứ ba, trong phần sau sẽ còn có một lần nữa. Bốn lần khuyến lớn, khích lệ, thật sự tỏ rõ lòng đại từ đại bi của đức Phật, thật sự rất miệng buốt lòng [khuyến nhủ]. Chúng ta là đệ tử Phật, phải giống như Thiện Đạo đại sư đã dạy bảo trong [phần chú giải] chương Thượng Phẩm Thượng Sanh [của Quán Kinh]: Quyết định phải tin tưởng lời đức Phật dạy. Ngoài đức Phật ra, đối với những vị thiện tri thức được xã hội thế gian công nhận, hoặc là bậc A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát đã tu hành chứng quả, cho đến bậc Địa Thượng Bồ Tát, thậm chí Đẳng Giác Bồ Tát vì chúng ta thuyết pháp, nếu những gì các Ngài đã nói chẳng giống [những điều được dạy trong] ba kinh Tịnh Độ, chúng ta đều có thể chẳng cần tiếp nhận, đều có thể chẳng cần tin tưởng. Nhất định phải tin lời đức Phật thì chúng ta mới thật sự đắc độ trong một đời này.

Nếu chẳng tin lời Phật dạy, cứ tin lời chỉ dạy chẳng tương ứng của các vị từ hàng Bồ Tát trở xuống, quý vị sẽ gặp ma. Có sao nói là “*gặp ma*”? Ma chướng ngại quý vị chẳng thể vãng sanh trong một đời này, ma hy vọng quý vị đời đời kiếp kiếp đều phải luân hồi trong lục đạo. Đây là ma đến gây chướng ngại, thử thách quý vị. Chúng ta ắt phải hiểu rõ chuyện này, quyết định phải tin tưởng lời đức Phật dạy. Ở đây, đức Thế Tôn nói hết sức hay, phải tin tưởng “*ngã ngữ*”, [tức là tin vào] lời dạy của Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Cập chư Phật sở thuyết*” (Và lời nói của chư Phật), tức là sáu phương Phật khác miệng cùng tiếng tán thán lời dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật, nhằm chứng minh cho Thích Ca Mâu Ni Phật: Những điều Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói hoàn toàn là chân tướng sự thật.

(Sớ) Hữu phán thử xứ tức thuộc Lưu Thông, kim nhưng thuộc Chánh Tông, dĩ thừa thượng văn, chánh miễn tín thọ, linh vãng sanh cổ. Tiền văn nhị giai khuyến nguyện, kim phục khuyến tín.

(疏)有判此處即屬流通，今仍屬正宗，以承上文，正勉信受，令往生故。前文二皆勸願，今復勸信。

(Sớ: Có người phán định chỗ này thuộc về phần Lưu Thông, nay tôi phán định [phần kinh văn này] vẫn thuộc về phần Chánh Tông, do nó tiếp nối phần kinh văn trước đó, chính là để khuyến lơn [người nghe] hãy tin nhận hồng được vãng sanh. Hai lần khuyến trong những phần kinh văn trước nhằm khuyến nguyện, nay [trong phần kinh văn này] lại khuyến tin).

Hai lần trước nhằm khuyến lơn chúng ta “*ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ*” (hãy nên phát nguyện, sanh vào cõi nước ấy). Ở chỗ này là khuyến tín, tức là lần thứ ba: “*Giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết*” (Đề nghị nên tin nhận lời ta và lời chư Phật đã nói). Nói thật ra, thật sự có thể tin thì phước báo và trí huệ đúng là vô lượng vô biên, chẳng có cách nào có thể xưng nói, kinh văn đã chép rõ điều này!

Từ xưa tới nay, các đại đức bên Giáo Hạ phán định kinh điển, đối với cách chia đoạn trong bộ kinh này, mỗi vị phân đoạn khác nhau. Có vị cổ đức phán định phần này thuộc về phần Lưu Thông của kinh A Di Đà, Liên Trì đại sư vẫn y như cũ, coi đoạn kinh văn này thuộc về phần Chánh Tông, Ngài có cách phán định khác với cổ nhân. Sau thời Liên Trì đại sư, trong Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư phán định phần sáu phương Phật thuộc vào phần Lưu Thông, cách phán định cũng khác Liên Trì đại sư. Thậm chí cách phán định của Ngài cũng chẳng giống cách phân đoạn của các vị đại đức từ xưa tới nay; nhưng Ngẫu Ích đại sư cũng giải thích rất thỏa đáng, chúng ta nghe xong cũng [cảm thấy] rất hợp tình, hợp lý. Cách phán định như thế nào, [tùy thuộc] “*người nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí*”. Điều quan trọng là chúng ta phải nương theo kinh văn, còn đối với cách phân khoa, phán giáo và những chỉ dạy của tổ sư đều dùng để tham khảo, [đừng chấp trước vào những thuyết đó]. Trong Tứ Y Pháp, [đức Phật] dạy chúng ta: “*Y pháp, bất y nhân*”. Kinh là “*pháp*” do đức Phật nói, là chỗ nương cậy duy nhất cho chúng ta. Những lời giải thích của các vị từ bậc Đăng Giác Bồ Tát trở xuống đều là “*nhân*”, hễ tương ứng với những điều đã dạy trong kinh thì chúng ta chọn lấy; chẳng tương ứng, chúng ta chẳng chọn. Đó là nguyên tắc tu học do Thiện Đạo đại sư đã dạy chúng ta.

(Sao) Đệ tam khuyến giả, thượng ngôn “văn thị thuyết giả”, chỉ thị trì danh đắc sanh, vị ỷ thoái dữ bất thoái.

(鈔)第三勸者，上言聞是說者，止是持名得生，未委退與不退。

(Sao: “Khuyến lần thứ ba”: Trong phần trên có nói “nghe nói như vậy”, chính là nói đến người trì danh bèn được vãng sanh, nhưng chưa rõ thoái chuyển và bất thoái [là như thế nào]).

Khi khuyên lần thứ nhất trong phần trước, chỉ là nói rõ: Chiếu theo phương pháp này đề tu học, hoặc từ một ngày cho đến bảy ngày trì danh, nhất tâm bất loạn, quyết định được sanh về Tịnh Độ, chẳng nói cặn kẽ về bất thoái chuyển.

(Sao) Kim ngôn bất dẫn đắc sanh, tất ư Vô Thượng Bồ Đề vĩnh bất thoái chuyển.

(鈔)今言不但得生，必於無上菩提永不退轉。

(Sao: Nay nói “không chỉ được vãng sanh, mà ắt còn được vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề”).

Trong phần trên đã nói: “Người nghe kinh này, thọ trì, đều được hết thấy chư Phật hộ niệm, được bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Đây là nói rõ: Không chỉ được vãng sanh, mà còn bất thoái chuyển.

(Sao) Như thị tắc nguyện đương ích thiết.

(鈔)如是則願當益切。

(Sao: Như thế thì tâm nguyện sẽ càng thêm thiết tha).

Nếu chúng ta hiểu rõ những chân tướng sự thật này, tâm hướng về, tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ nhất định càng thêm tha thiết, do biết [cõi Cực Lạc] quá tốt đẹp!

(Sao) Cố vân tam khuyến.

(鈔)故云三勸。

(Sao: Do vậy, nói lời khuyên lần thứ ba).

Đến chỗ này là khuyên chúng ta lần thứ ba: Nhất định phải tin tưởng, nhất định phải phát nguyện, nhất định phải cầu sanh [Tịnh Độ].

(Sao) Vị thuộc Lưu Thông giả.

(鈔)未屬流通者。

(Sao: Chưa thuộc phần Lưu Thông).

Liên Trì đại sư giải thích cách phán định của Ngài, [tức là] đối với phương pháp phân đoạn, vì sao Ngài chia như vậy? Ngài nói phần này không thuộc về Lưu Thông.

(Sao) Dĩ tín nguyện vãng sanh, thị nhất kinh yếu lãnh, hạ văn trùng trùng khuyến tín, khuyến nguyện, phán thuộc Chánh Tông.

(鈔)以信願往生，是一經要領，下文重重勸信勸願，判屬正宗。

(Sao: Vì tín nguyện vãng sanh chính là cương lĩnh trọng yếu của kinh này, do phần kinh văn tiếp theo lại [nêu rõ] nhiều phen khuyến tín, khuyến nguyện, cho nên phán định phần này thuộc về Chánh Tông).

Đây là cương lĩnh trọng yếu nhất của kinh này: “*Chuyên tín, chuyên nguyện, cầu sanh Tịnh Độ*”. Thuở ấy, đức Phật giảng ba kinh Tịnh Độ theo thứ tự:

1) Thoạt ban sơ, giảng kinh Vô Lượng Thọ, [với dụng ý] giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức hoàn chỉnh. Có thể nói kinh Vô Lượng Thọ là khái luận của Tịnh Tông. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, sự tu nhân chứng quả của A Di Đà Phật, cùng với sự kiến lập đạo tràng rộng độ chúng sanh, đều được nói rất rõ rệt.

2) Thứ hai là giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, dạy chúng ta ba chuyện, nói thật ra là để bổ sung cho kinh Vô Lượng Thọ. Ba chuyện ấy là:

a) Thứ nhất là lý luận “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật*”. Nêu ra đạo lý này, nhằm bổ sung những điều chưa nói trong Đại Kinh.

b) Thứ hai là phương pháp. Đã giới thiệu Tây Phương Cực Lạc, nhưng đến đó bằng cách nào? Dạy chúng ta phương pháp Niệm Phật, gồm có Quán Tưởng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật, và Thật Tướng Niệm Phật, nêu ra phương pháp. Mười sáu phép Quán là mười sáu loại phương pháp.

c) Thứ ba là nói rõ chi tiết nhân quả của chín phẩm. Nói thật ra, phần “*tam bối vãng sanh*” (ba bậc vãng sanh) trong kinh Vô Lượng Thọ chẳng dài, [chỉ là] nói khái lược. Quán Kinh chia ba bậc thành chín phẩm, giảng giải nhân quả cặn kẽ. Đó là tánh chất của Quán Kinh.

3) Cuối cùng, đức Phật giảng kinh Di Đà. Giảng kinh này với dụng ý khuyến tín, khuyến nguyện, khuyên chúng ta nhất tâm niệm Phật. Vì thế, bộ kinh này từ đầu đến cuối là khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hạnh. Tín, Nguyện, Hạnh là ba đại cương lãnh trọng yếu của kinh này.

Có thể thấy ba kinh đều thuộc cùng một loại. Ở đây, đại sư phán định đoạn kinh văn này vẫn thuộc về phần Chánh Tông.

(Sao) Ý nghĩa vi đáng.

(鈔)於義為當。

(Sao: Xét theo nghĩa lý sẽ thỏa đáng).

Ý nghĩa này tương đối thỏa đáng.

(Sao)Nhữ đẳng giả, chánh chỉ Thân Tử, dĩ cập hiện tiền đại chúng, kiêm vị lai nhất thiết chư chúng sanh đẳng.

(鈔)汝等者，正指身子，以及現前大眾，兼未來一切諸眾生等。

(Sao: “Nhữ đẳng” chính là nói tới ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) và hiện tiền đại chúng, kèm thêm hết thảy các loại chúng sanh trong đời mai sau).

Thuở ấy, đức Phật giảng kinh, trong pháp hội, tôn giả Xá Lợi Phất là bậc đương cơ. Trong kinh này, đức Phật luôn gọi tên ngài Xá Lợi Phất để nói. Hễ kêu tên thì những lời tiếp đó đều hết sức trọng yếu, gọi tên nhằm khiến cho người đó (người được gọi) chú ý. “*Nhữ đẳng*” (Các người) nói thật ra cũng bao gồm hiện tiền đại chúng. Chúng ta là những người đọc kinh văn này đều được bao gồm trong hai chữ “*nhữ đẳng*”. Do vậy có thể biết: Kinh này đối với bản thân chúng ta thân thiết như thế nào, đức Phật chẳng coi chúng ta là người ngoài! “*Nhữ đẳng*” là gộp cả chúng ta vào đó. Nói cách khác, [kinh này] nhằm nói với chính chúng ta. “*Kiểm vị lai nhất thiết chư chúng sanh đẳng*” (Kiểm hết thảy chúng sanh trong tương lai), mỗi người chúng ta đều được bao gồm trong đó.

(Sao) Lương dĩ nhất Phật thân tuyên.

(鈔)良以一佛親宣。

(Sao: Ấy là vì do một đức Phật đích thân nói).

“*Nhất Phật*” là Thích Ca Mâu Ni Phật, một vị Phật tự mình vì chúng ta tuyên giảng.

(Sao) Tức đương để tín.

(鈔)即當諦信。

(Sao: Hãy nên tin sâu).

Lời Phật là chân thật ngữ. Kinh Kim Cang có nói: Như Lai là “*chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả*” (là bậc nói chân thật, nói sự thật, nói đúng với bản chất sự vật), “*như ngữ*” là hoàn toàn phù hợp chân tướng sự thật, chẳng tăng thêm tí nào, mà cũng chẳng giảm bớt tí nào, nói hoàn toàn đúng như chân tướng sự thật. “*Bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả*” (Chẳng nói dối trá, chẳng nói khác lạ). Làm sao đức Phật có thể gạt người ta cho được? Vì thế, chúng ta hãy nên tin tưởng.

(Sao) Chư Phật đồng tán, cánh phục hà nghi.

(鈔)諸佛同讚，更復何疑。

(Sao: Chư Phật cùng khen ngợi, còn nghi ngờ chi nữa).

Không chỉ là một vị Phật nói; ở đây, chúng ta thấy là sáu phương. Sáu phương chính là mười phương, mười phương hết thấy chư Phật đều vì Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, đều tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật nói hay lắm, nói chẳng sai, há còn hoài nghi ư? Quyết định là chẳng hoài nghi! Chẳng hoài nghi, lòng tin ấy mới gọi là chân tín. Sau khi đã thật sự tin tưởng, phải phát nguyện, quyết định phát nguyện cầu vãng sanh. Đặc biệt là trong thời đại hiện tại, đúng là thế gian đại loạn chưa từng thấy trong lịch sử trước nay, kinh gọi là “*ngũ trược ác thế*”, đúng là trược ác đến tột bậc! “*Trược*” (濁) là tâm chẳng thanh tịnh, tâm địa bị ô nhiễm. “*Ác*” (惡) là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều bất thiện. Trong Phật pháp nói: Thân tạo giết, trộm, dâm, miệng nói dối, nói đôi chiều, nói thù dật, nói lời thô ác, ý tham, sân, si. Chúng sanh hiện thời tạo tác mười ác nghiệp. Nay chúng ta thấy trược và ác rất rõ ràng, thấy rất rõ rệt, mỗi năm [trược ác] càng tăng trưởng nhiều hơn! Đây chẳng phải là một hiện

tượng tốt đẹp! Khi chúng tăng trưởng đến một mức độ nhất định, đại tai nạn sẽ bùng nổ. Người học Phật đầu óc phải tỉnh táo hơn kẻ bình phàm, biết mối quan hệ nhân quả, đối với ác nhân và ác quả, ít nhiều cũng có tánh cảnh giác. Chúng ta đối diện hiện thực như thế nào? Nói cách khác, chúng ta sống như thế nào? Chúng ta sống cuộc đời ra sao? Nếu chẳng có đại trí huệ và đại phước đức, rất khó may mắn tránh khỏi cộng nghiệp!

Đại trí và đại phước cầu từ nơi đâu? Cách tu như thế nào? Ai nấy đều mong cầu, mà chẳng cầu được! Thực tại là bày ra ngay trước mặt quý vị, nhưng quý vị chẳng nhận biết giá trị, chẳng nhận thức. Trong phần kinh văn ở phía trước, chẳng phải là đức Thế Tôn đã bảo chúng ta rồi đó sao? *“Văn thị kinh, thọ trì giả, giai vì nhất thiết chư Phật sở hộ niệm”* (Người nghe kinh này, thọ trì, đều được hết thầy chư Phật hộ niệm), trong cộng nghiệp mà có thể chẳng bị mắc nạn, quý vị có đại phước báo. *“Giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”* (Đều được chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác), quý vị có đại trí huệ. Vì thế, người trọn đủ Tín, Nguyện, Hạnh là người có đại phước báo và đại trí huệ thì mới có thể vượt qua ngũ trược ác thế. Do vậy, kinh điển này, pháp môn này, thật sự là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao [kinh này được] hết thầy chư Phật hộ niệm? Vì sao phải tán thán là có lý, chẳng phải là nói tùy tiện!

(Sao) Tín, Hạnh, Nguyện tam, bất khả nhất khuyết.

(鈔)信行願三，不可一缺。

(Sao: Ba điều Tín, Hạnh, Nguyện, chẳng thể thiếu một điều nào).

Thiếu một điều cũng đều chẳng thể; phải thật sự tin, phải thật sự phát nguyện, phải thật sự niệm Phật. Đã hiểu rõ đạo lý, đã hiểu rõ chân tướng sự thật, chân tín (lòng tin chân thật) sẽ chẳng có vấn đề. Đối với nguyện, ắt cần phải nhận thức rõ ràng hoàn cảnh trước mắt, thật sự hiểu rõ sự khó khăn trong việc tu hành các pháp môn khác và sự thù thắng trong thế giới Tây Phương, để có thể chắc chắn vãng sanh trong đời này. [Nếu những điều ấy] đều hiểu rõ ràng, nguyện của quý vị sẽ tự nhiên sanh khởi. Sau khi đã có nguyện, nhất định phải chiếu theo phương pháp để tu học. Phương pháp để đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là niệm Phật. Điều quan trọng nhất trong niệm Phật là trong tâm có Phật, chẳng phải là có Phật ngoài cửa miệng. Ngoài cửa miệng có Phật, trong tâm chẳng có Phật, sẽ là như xưa kia hai vị đại sĩ Hàn Sơn và Thập Đắc đã cười nhạo kẻ niệm Phật *“gào toạc cổ họng cũng uống công”*. Vì sao? Miệng có, tâm

không. Chữ “niệm” (念) là “kim tâm” (今心), cái tâm hiện tại, trong tâm thật sự có! Đó gọi là niệm Phật, hết sức quan trọng. Trong tâm thật sự có, không chỉ là ban ngày quý vị “niệm tại đâu, nghĩ tại đó”, mà đêm ngủ cũng nằm mộng thấy cảnh giới của Phật. Tục ngữ thường nói: “Ngày suy nghĩ gì, đêm nằm mộng thấy”. Những điều này đều có thể chứng minh công phu niệm Phật của chúng ta. Trong mộng có thể làm chủ thì trong tương lai, khi mắc bệnh, có thể làm chủ trong khi đau bệnh, điều này rất quan trọng. Nhất định là phải giữ A Di Đà Phật, giữ y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới trong tâm. Tôi thường khuyên các đồng tu phải đọc kinh, phải nghe giảng. Trong tâm chúng ta không chỉ lưu giữ hình tướng A Di Đà Phật. Lưu giữ hình tướng của A Di Đà Phật trong tâm thì vẫn chưa được, đó là chấp tướng, chẳng khác gì trì danh. Phải ghim “tâm, nguyện, giải, hạnh” của A Di Đà Phật trong lòng. Đó là thật sự niệm Phật.

A Di Đà Phật giữ tấm lòng gì? Cũng có nghĩa [học nhân Tịnh Độ phải biết] A Di Đà Phật dùng tâm như thế nào để xử sự, đãi người, tiếp vật, chúng ta phải học theo Ngài. Kinh nói rất minh bạch: A Di Đà Phật dùng chân tâm, chẳng phải là vọng tâm. Ngài dùng cái tâm thanh tịnh, dùng tâm bình đẳng, dùng tâm đại từ bi; có phải là chúng ta dùng những tâm ấy để xử sự, đãi người, tiếp vật hay không? Chúng ta thật sự có thể dùng những tâm ấy để xử sự, đãi người, tiếp vật, thừa cùng chư vị, quý vị thật sự niệm Phật, tâm quý vị giống như tâm Phật. A Di Đà Phật có nguyện vọng gì? Bốn mươi tám nguyện trong kinh, nguyện nào trong bốn mươi tám nguyện ấy cũng đều nhằm phổ độ chúng sanh. Chúng ta niệm bốn mươi tám nguyện rất nhuần nhuyễn, biến bốn mươi tám nguyện thành đại nguyện của chính mình, nguyện của ta và nguyện của A Di Đà Phật cũng như nhau. Đó là thật sự niệm Phật. A Di Đà Phật tu hành như thế nào? A Di Đà chứng quả như thế nào? Tiếp dẫn chúng sanh trong mười phương thế giới như thế nào? Thời thời khắc khắc, chúng ta ghim những chuyện ấy trong tâm, tinh niệm tiếp nối; đó là thật sự niệm Phật. Chiếu theo khuôn mẫu của A Di Đà Phật để đáp nặn chính mình, khiến cho chính mình giống A Di Đà Phật như đúc. Chư vị ngẫm xem, há có thể nào chẳng vãng sanh ư? Chắc chắn là vãng sanh! Miệng thường niệm câu Phật hiệu, sẽ có hai tác dụng:

1) Tác dụng thứ nhất là khiến cho chánh niệm của chính mình được dấy lên, tức là nhắc nhở chính mình chớ nên quên bằng tâm, nguyện, giải, hạnh, và vô lượng công đức của A Di Đà Phật.

2) Ý nghĩa thứ hai là tiếp dẫn chúng sanh. Chúng ta niệm cho người khác nghe, một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo.

Vì thế, niệm Phật ra tiếng là tự lợi, lợi tha. Lúc chẳng có ai, cũng nên niệm Phật ra tiếng. Có các loại chúng sanh mắt ta không trông thấy, còn có quỷ thần ở bên cạnh [chúng ta], họ cũng nghe thấy. Chúng ta niệm Phật hiệu, họ cũng được lợi ích. Câu Phật hiệu có công đức chân thật chẳng thể nghĩ bàn! Dùng phương pháp này để tự lợi, lợi tha. Vì thế, đối với ba điều Tín, Nguyện, Hạnh, chẳng thể thiếu một điều nào. Thiếu một điều sẽ chẳng thể vắng sanh.

(Sao) Cổ tiền văn khuyến nguyện, kim phục khuyến tín. Phục khuyến giả, tiền lục phương trung dĩ khuyến đương tín thị kinh.

(鈔)故前文勸願，今復勸信。復勸者，前六方中已勸當信是經。

(Sao: Vì thế, trong phần trước đã khuyên nguyện, nay lại khuyên tín. [Nói] “lại khuyên” vì trong phần sáu phương trước đó, đã khuyên “hãy nên tin tưởng kinh này”).

Đây là chư Phật khuyên.

(Sao) Kim phục minh ngôn đương tín ngã ngữ.

(鈔)今復明言當信我語。

(Sao: Nay [đức Phật] lại nói rõ “hãy nên tin lời ta”).

Đức Phật thật sự chẳng phụ chúng sanh. Chúng sanh phạm lỗi đối với Phật, cô phụ lời Phật giáo huấn. Ở đây, đức Phật lại bảo rõ ràng, khuyên chúng ta hãy tin tưởng lời Ngài, hãy tin vào những điều Ngài đã nói.

(Sao) Lương dĩ bất nguyện, điều ư bất tín.

(鈔)良以不願，繇於不信。

(Sao: Vì chẳng nguyện là do chẳng tin).

Cái nguyện vắng sanh của chúng ta chẳng thiết tha, chẳng chân thật, nguyên nhân là ở chỗ nào? Chúng ta chẳng có lòng tin thật sự. Vì sao chẳng có lòng tin thật sự? Chẳng thật sự hiểu rõ, chẳng thật sự hiểu minh bạch chuyện này. Thật sự hiểu rõ, thật sự hiểu minh bạch, lẽ đâu chẳng tin tưởng?

(Sao) Bất tín, tắc khởi hạnh vô điều. Cổ Phật ư thử kinh, trùng trùng khuyến tín.

(鈔)不信，則起行無繇。故佛於此經，重重勸信。

(Sao: Chẳng tin thì sẽ không do đâu mà khởi hạnh được. Vì thế, trong kinh này đức Phật đã nhiều lượt khuyên tin).

“Khởi hạnh” là niệm Phật. Tuy miệng niệm Phật, nhưng sự niệm Phật ấy giống như bèo trôi chẳng có rễ.

(Sao) Như Đại Bản ngôn: “Bất tín Phật ngữ giả, nãi ác đạo trung lai, dư vương vị tận, ngu si bất tín, vị đương giải thoát”.

(鈔)如大本言：不信佛語者，乃惡道中來，餘殃未盡，愚痴不信，未當解脫。

(Sao: Như kinh Đại Bản nói: “Kẻ chẳng tin lời Phật chính là từ ác đạo sanh tới, những vương họa còn sót lại chưa hết sạch, [vì thế] ngu si, chẳng tin, chưa được giải thoát”).

Kinh Vô Lượng Thọ có một đoạn kinh văn như thế. Đức Phật dạy rõ: Nghe kinh này, kẻ đó vẫn chẳng tin tưởng, chính là vì nghiệp chướng rất nặng, đời trước là do từ ác đạo sanh tới. Đời trước ở trong ác đạo chính là sự thật. Hiện thời, bên ngoại quốc, người ta dùng phương pháp khoa học để chứng minh. Hiện nay, người ngoại quốc tin có lục đạo luân hồi, vì từ các chứng minh khoa học, họ đã phát hiện: Rất nhiều người đời trước ở trong súc sanh đạo. Tỷ lệ người từ nhân đạo sanh trở lại nhân gian hoàn toàn chẳng nhiều, còn tỷ lệ sanh từ súc sanh đạo [vào loài người] rất nhiều. Còn như đối với ngạ quỷ, địa ngục, khoa học vẫn chẳng có cách nào phát hiện. “Dư vương vị tận” (Họa vương còn sót lại, chưa hết sạch). Vì thế, kẻ ấy “ngu si”, gặp gỡ pháp môn này mà chẳng thể tin tưởng, chẳng thể giải thoát, duyên thành Phật trong đời này của kẻ ấy chưa chín muồi! “Vị đương giải thoát” (Chưa được giải thoát): Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là thành Phật, là giải thoát.

(Sao) Hựu Pháp Tạng nguyện văn: “Chỉ tâm tín nhạo, dục sanh ngã sát, thập niệm tất sanh, duy trừ Ngũ Ngịch, phỉ báng chánh pháp”.

(鈔)又法藏願云：至心信樂，欲生我刹，十念必生，惟除五逆誹謗正法。

(*Sao*: Lại nữa, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Chỉ tâm tin ưa, muốn sanh về cõi ta, mười niệm ắt được sanh, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp”).

Điều này được nói trong phần bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ. “Chỉ tâm” (至心) là chân tâm, “tín nhạo” (信樂) là tin tưởng, ưa thích; đây là Tín thành tựu. “Dục sanh ngã sát” (Muốn sanh về cõi ta), là Nguyện thành tựu. “Thập niệm” là Hạnh thành tựu. Đó là nguyện thứ mười tám “mười niệm ắt được vãng sanh”. “Duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp” (Chỉ trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp): Kinh Vô Lượng Thọ nói “Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp”, còn trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Phật bảo: “Ngũ Nghịch mà chẳng hủy báng chánh pháp” vẫn có thể vãng sanh. Do vậy có thể biết: Ở đây là Ngũ Nghịch, lại còn hủy báng chánh pháp, loại người ấy chẳng thể vãng sanh. Nếu phạm tội Ngũ Nghịch mà chẳng hủy báng chánh pháp, gặp gỡ pháp môn này, khi lâm chung, người ấy có thể tin, có thể nguyện, do mười niệm cũng có thể được vãng sanh. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh nói tới kẻ tạo nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung gặp thiện tri thức, dạy người ấy niệm Phật vãng sanh, người ấy vừa nghe liền tiếp nhận. Vì thế, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là hạ hạ phẩm vãng sanh, thuộc hạng người này. Tôi đã từng nói với các đồng tu: Nếu chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuyệt đối chẳng phải là hạ hạ phẩm; [bởi lẽ], chúng ta chẳng tạo tội nghiệp nặng nề đường ấy.

(*Sao*) **Báng chánh pháp giả, bất tín chi vị dã.**

(鈔) 謗正法者，不信之謂也。

(*Sao*: “Báng chánh pháp” là nói tới kẻ chẳng tin).

Đối với chuyện báng pháp, nếu người ấy tin tưởng, sẽ chẳng báng pháp. Báng pháp là vì chẳng tin. Ở đây, tôi hy vọng các đồng tu sẽ chú ý: Quyết định chớ nên sơ sót, ơ hờ đọc lướt qua câu này! Ý nghĩa hết sức sâu rộng đấy nhé! Nay chúng ta tu Tịnh Độ, thấy người ta tham Thiền, trì chú, chúng ta phê bình, hủy báng họ, có được hay không? Chẳng được! Điều thuộc về báng pháp! Vô lượng pháp môn đều do đức Phật nói. Nếu quý vị coi rẻ, hủy báng, tức là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, đều tạo thành chướng ngại cho sự vãng sanh của chính mình. Chúng ta phải biết dùng thái độ gì đối với những người thuộc các pháp môn bất đồng? Phải học

theo Thiện Tài đồng tử. Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần; trong năm mươi ba vị thiện tri thức, có hai vị nêu gương niệm Phật. Vị trước nhất là vị thiện tri thức đầu tiên, tức tỳ-kheo Đức Vân, vị cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát; bốn mươi chín vị [thiện tri thức] giữa hai vị này đại diện cho vô lượng vô biên pháp môn. Thái độ của Thiện Tài đồng tử đối với những vị đại đức thuộc các pháp môn khác là cung kính, tán thán. Đó là đúng. Tán Phật, tán Pháp, tán Tăng, quyết định chẳng hủy báng. Tuy lễ kính, tán thán, Thiện Tài đồng tử chẳng học theo họ, “*luyến đức lễ từ*”, “*luyến*” (戀) là hâm mộ sự tu học của quý vị, tôi hết sức cung kính quý vị. “*Từ*” (辭) là gì? Tôi chẳng học theo quý vị. Các vị học pháp ấy hết sức tốt đẹp, tôi vẫn thật thà niệm Phật, chẳng học pháp môn của quý vị, mà vẫn y như cũ, thâm nhập một môn.

Từ năm mươi ba lần tham học, chúng ta thấy mỗi vị thiện tri thức đều là thâm nhập một môn. Tuy pháp môn khác nhau, thành tựu đều như nhau, tán thán lẫn nhau, chẳng hủy báng nhau. Chư vị đồng tu ngàn muôn phần phải ghi nhớ điều này! Nghe người khác hủy báng chúng ta, chúng ta chấp tay “*A Di Đà Phật*”, chẳng cần biện bác. Thái độ ấy là đúng. Quý vị biện bác chẳng giải quyết được gì; càng biện bác, họ càng hủy báng nhiều hơn. Họ hủy báng một câu, [quý vị niệm] A Di Đà Phật một câu. Báng bỏ hai câu, [bèn niệm] hai câu A Di Đà Phật. Họ nói mười câu, tám câu, nói mệt rồi sẽ chẳng nói nữa! Họ hủy báng, chúng ta lễ tán. Chúng ta chấp tay là Lễ, xưng niệm A Di Đà Phật là Tán. Đó là đúng. Vì thế, câu này có ý nghĩa hết sức sâu, chúng ta chớ nên phạm phải lỗi lầm [biện bác] ấy!

(Sao) *Hựu Văn Thù Bát Nhã kinh, như tiền sở dẫn, mạt diệc vân: “Duy trừ bất tín”. Hựu Hoa Nghiêm vị: “Tín vi đạo nguyên, công đức mầu”.*

(鈔) 又文殊般若經，如前所引，末亦云：惟除不信。又華嚴謂信為道元功德母。

(Sao: *Kinh Văn Thù Bát Nhã, như đã dẫn trong phần trước, cuối cùng cũng nói: “Chỉ trừ chẳng tin”. Kinh Hoa Nghiêm lại nói: “Tín là nguồn đạo, mẹ công đức”.*

Những điều này đều nhằm nói rõ: Tín hết sức quan trọng. Kinh Hoa Nghiêm nói: Tín là cội nguồn của đạo, “*nguyên*” (元) là nguồn gốc, căn bản. Tín là căn bản để nhập đạo. “*Mẹ công đức*”, “*mẹ*” là tỷ dụ “*có thể*

sanh”. Mẹ có thể sanh ra con cái. Tín giống như mẹ, có thể sanh ra hết thảy công đức.

(Sao) Nhi phục lũy ngôn bất trí, khởi đồ nhiên tai?

(鈔)而復累言不置，豈徒然哉。

(Sao: Mà còn nói nhiều lần chẳng thôi, há có phải là chuyện phí công ư?)

“Lũy ngôn” là nhắc đi nhắc lại, khuyên đi khuyên lại. “Khởi đồ nhiên tai?” (Há có phải là chuyện phí công ư?): Chẳng phải là không có đạo lý, mà là có nỗi khổ tâm rất sâu trong ấy. Do đó, Phật, Bồ Tát chẳng ngại phiền, hết lần này tới lần khác khuyên chúng ta phải tin tưởng. Thánh hiền thế gian và xuất thế gian, nhất là bậc đại thánh xuất thế thông đạt, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, đã vì chúng ta tuyên nói, chúng ta phải nên tin tưởng chuyện này. Vì sao các Ngài thông đạt, hiểu rõ? Tâm các Ngài thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chiếu kiến, tâm giống như một tấm gương, chiếu rành mạch, rõ ràng cảnh giới bên ngoài. Tâm chúng ta trược ác, đó là ô nhiễm, tác dụng Chiếu hoàn toàn bị mất sạch, chẳng có tác dụng giác chiếu. Tâm ô nhiễm khởi tác dụng là tà tri tà kiến, suy tưởng loạn xạ. Suy tưởng loạn xạ, thân và miệng bèn tạo tác xằng bậy, tội nghiệp nặng nề, quả báo khổ sở. Vì sao chúng ta phải tin tưởng giáo huấn và ngôn luận của các bậc thánh hiền? Đạo lý là do chỗ này. Người hiện thời chẳng tin tưởng cổ thánh tiên hiền, mà cũng chẳng tin tưởng người khác, luôn tin vào tà tri tà kiến của chính mình, làm sao được nữa! May mắn khiêm hư cũng chẳng có! Trong sáu mươi bốn quẻ của kinh Dịch, phần nói về quẻ Khiêm¹ có câu: “*Khiêm thọ ích*” [nghĩa là] người khiêm hư có thể nhận được vô lượng, vô biên lợi ích. “*Mãn chiêu tồn*”: Lòng người hiện thời tự mãn, chẳng khiêm hư, thiện ngôn, [vì thế, đối với] thiện hạnh chẳng tiến nhập được. Đó là nguyên nhân căn bản khiến cho thiên hạ đại loạn, [do tự mãn, thiếu khiêm hư, cho nên] nhất quyết chẳng thể tiếp nhận thiện ngôn, chẳng thể tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền.

(Sao) Thanh Lương đại sư vân: “Cao Tề Đại Hạnh hòa thượng tông sùng niệm Phật, dĩ tứ tự giáo chiếu, vị: “Tín ức nhị tự, bất ly ư

¹ Quẻ này có tên gọi đầy đủ là Địa Sơn Khiêm, gồm quẻ Khôn (ba vạch đều đứt) ở trên và quẻ Cấn (vạch trên cùng liền, hai vạch dưới đều đứt) ở dưới, ý nghĩa nguyên thi là dưới đất có núi. Do núi cao ngất, mà lại ở dưới mặt đất, nên biểu thị ý nghĩa khiêm tồn.

tâm. Xưng kính nhị tự, bất ly u khẩu”. Vãng sanh Tịnh Độ, yếu tu hữu tín, thiên tín tức thiên sanh, vạn tín tức vạn sanh.

(鈔)清涼大師云：高齊大行和尚，宗崇念佛，以四字教詔，謂信憶二字，不離於心；稱敬二字，不離於口。往生淨土，要須有信，千信即千生，萬信即萬生。

(Sao: Thanh Lương đại sư nói: “Đời Cao Tề, hòa thượng Đại Hạnh ngưỡng mộ, xưng bái niệm Phật, dùng bốn chữ để dạy rằng. Ngài nói: ‘Hai chữ Tín, Nhớ chẳng rời khỏi tâm, hai chữ Xưng, Kính chẳng rời nơi miệng’. Vãng sanh Tịnh Độ cần phải có tín. Ngàn người tin, ngàn người vãng sanh; vạn người tin, vạn người vãng sanh).

Thanh Lương đại sư là tổ sư đời thứ tư của tông Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao do Ngài trước tác. Thời đại Nam Bắc Triều, hoàng đế nước Tề họ Cao, nên [Sử gọi triều đại] này là Cao Tề². Hòa thượng Đại Hạnh chuyên tu pháp môn Niệm Phật. Ngài niệm Phật có “*tứ tự quyết*”, tức là dùng bốn chữ ấy để dạy người niệm Phật. Bốn chữ ấy là “*tín, ức, xưng, kính*”. Tín Ức: Đặt chữ Tín lên đầu, Ức (憶) là như Đại Thế Chí Bồ

² Cao Tề còn gọi là Bắc Tề (nhằm phân biệt với triều đại Nam Tề (còn gọi là Tiêu Tề) thuộc Nam Triều do Tiêu Đạo Thành sáng lập ở phương Nam). Nhà Cao Tề tồn tại rất ngắn, trước sau chỉ kéo dài hai mươi bảy năm (550-577). Khi nhà Bắc Ngụy (còn gọi là Nguyên Ngụy, do Thác Bạt Khuê sáng lập) bị suy yếu vì nội loạn, Ngụy Hiếu Vũ Đế (Nguyên Tu) bị quyền thần Cao Hoan chèn ép, đã lâm lẩn bỏ trốn sang Quan Trung nương cậy quân phiệt Vũ Văn Thái, để rồi hoàn toàn bị Vũ Văn Thái giết hại. Cao Hoan bèn lập Nguyên Thiện Kiến lên ngôi tức là Ngụy Hiếu Tĩnh Đế. Từ đó, lãnh thổ Bắc Ngụy bị tách làm hai, Sử gọi phần đất do Vũ Văn Thái nắm quyền kiểm soát là Tây Ngụy, còn lãnh thổ do Cao Hoan khống chế gọi là Đông Ngụy. Sau khi Cao Hoan mất, con trai là Cao Trùng (521-549) lên thay, toan cướp ngôi của Ngụy Hiếu Tĩnh Đế, nhưng bị ám sát chết. Em Cao Hoan là Cao Dương lên thay, đã ép vua phong cho mình làm Tề Quận Vương. Hai tháng sau, Cao Dương lại ép vua xuống chiếu gia phong là Tề Vương. Năm 550, Cao Dương bức Ngụy Hiếu Tĩnh Đế thoái vị, Cao Dương lên ngôi, trở thành Văn Tuyên Đế, đổi quốc hiệu thành Tề. Tuy chiếm được vùng đất trù phú, kinh tế phát triển nhất ở Đông Bắc Trung Hoa, nhưng do các vua nhà Bắc Tề hung bạo, ham hưởng lạc, nên vương triều này chẳng tồn tại lâu dài. Tề Hậu Chủ (Cao Vĩ) u mê, nghe lời sàm tấu, giết hại công thần. Triều chánh hoàn toàn do bọn đại thần Hòa Sĩ Khai, Triệu Ngạn Thâm v.v... và tay chân của Hồ Thái Hậu là Hồ Trường Xán chi phối. Khi Bắc Châu Vũ Đế (Vũ Văn Ung) tấn công Bắc Tề, Tề Hậu Chủ vẫn chẳng thèm quan tâm. Cho đến khi quân Bắc Châu vây hãm kinh đô nhà Cao Tề, Tề Hậu Chủ hốt hoảng trốn chạy để rồi bị bắt dễ dàng. Vua Bắc Châu đã hạ nhục Tề Hậu Chủ bằng cách sai ông ta múa hát làm trò cho quân lính xem, sau đó lôi ra chém.

Tát đã nói “*ức Phật, niệm Phật*”, *Ức* (nhớ) là trong tâm thật sự có. Thường tưởng Phật, tưởng Phật phát tâm: Thoạt đầu, Phật phát tâm như thế nào? Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã giới thiệu đức Phật tu hành, phát nguyện, giúp đỡ hết thảy chúng sanh “*tốc tạt*” viên thành Phật đạo ra sao. “*Tốc tạt*” (速疾) là nhanh chóng, chẳng cần tới ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thời gian quá dài! “*Viên*” (圓) là viên mãn, chẳng cần [lần lượt chứng đắc] năm mươi một giai cấp, [lần lượt chứng đắc như vậy] chậm chạp quá, vất vả quá! [Nhanh chóng viên thành Phật đạo] toàn là do vô lượng công đức của A Di Đà Phật [gia trì]. Chúng ta thường nghĩ tới những điều ấy, đừng nên suy nghĩ loạn xạ. Suy nghĩ loạn xạ, chẳng nghĩ tới Phật, thừa cùng chư vị, những gì quý vị suy tưởng đều là tạo nghiệp luân hồi. Hằng ngày tạo nghiệp luân hồi chẳng ngừng, quý vị còn có thể thoát khỏi luân hồi hay chẳng? Chắc chắn là chẳng thoát khỏi! Nay chúng ta chuyển ý niệm, chuyên tưởng A Di Đà Phật, tưởng y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, tưởng vô lượng công đức của họ (những người sống trong cõi Cực Lạc), đó gọi là “*tu Tịnh nghiệp*”. Tâm thanh tịnh giống như “*tâm, nguyện, giải, hạnh*” của Phật. Thường nghĩ tưởng, tự nhiên sẽ tương ứng, tự nhiên giống nhau. “*Tín Ức nhị tự, bất ly ư tâm*” (Hai chữ Tin và Nhớ, chẳng lìa nơi tâm): Trong tâm thật sự tin, thường nhớ Phật. “*Xưng Kính nhị tự, bất ly ư khẩu*” (Hai chữ Xưng Kính, chẳng lìa nơi miệng). “*Xưng*” (稱) là xưng danh, tức là miệng niệm Phật, miệng chẳng lìa A Di Đà Phật. “*Kính*” (敬) giải thích như thế nào? Có phải là suốt ngày từ sáng đến tối lạy A Di Đà Phật hay không? Chẳng phải vậy! A Di Đà Phật cũng chẳng cần quý vị lạy lạy. “*Kính*” là trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, bèn nghiêm túc nhận trách nhiệm. Đó là Kính. Kính người, kính sự, kính nghiệp, [nghĩa là] chúng ta theo đuổi bất cứ nghề nghiệp nào, bèn thực hiện tốt đẹp [phận sự chức trách của chính mình]. Đó là “*kính nghiệp*”. “*Kính vật*” là yêu thương hết thảy muôn vật. Phật kính hết thảy chúng sanh, chúng ta làm như vậy bèn gọi là “*kính Phật*”. Chẳng phải là trông thấy tượng Phật bèn rất cung kính, trông thấy cha mẹ bèn chẳng quan tâm, vênh mặt lên, đó chẳng phải là người học Phật. Phải dùng tâm lòng kính Phật để đối đãi hết thảy mọi người, đối đãi hết thảy mọi sự, hết thảy mọi vật. Đó là đúng. Đó là “*lễ kính chư Phật*” trong hạnh nguyện Phổ Hiền; chúng ta tu hành là tu từ chỗ này. Khi chưa học Phật, chúng ta chẳng biết Kính là gì. Sau khi đã học Phật, chúng ta mới bừng tỉnh giác ngộ: Chúng ta vốn chẳng có kính ý đối với người, đối với sự, đối với vật, đại bất kính! Từ nay trở đi, chúng ta học theo Phật: “*Hai chữ Xưng Kính chẳng lìa nơi miệng*”, “*miệng*” ở đây bao gồm thân.

“*Vãng sanh Tịnh Độ, yếu tu hữu Tín*” (Vãng sanh Tịnh Độ cần phải có Tín): Cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tín là điều kiện bậc nhất. Chẳng có Tín, chắc chắn sẽ chẳng thể vãng sanh! Chân tín, Tín đương nhiên là có Nguyện, đương nhiên là có Hạnh. Do vậy, một ngàn người tin, “*tin*” ở đây là trọn đủ Tín, Nguyện, Hạnh, một ngàn người ấy đều có thể vãng sanh, chẳng sót một ai. Một vạn người có thể tin, một vạn người ấy đều vãng sanh. Cổ nhân thường nói: “*Vạn người tu, vạn người đến*”, một người cũng chẳng sót! Nay như chúng ta thấy, một vạn người niệm Phật, thật sự có thể vãng sanh cũng chẳng quá đôi ba người, chẳng như cổ nhân nói “*vạn người tu, vạn người đến*”; có phải là cổ nhân nói sai hay không? Cổ nhân nói chẳng sai! Người hiện thời niệm Phật nói đến Tín thì Tín ở ngoài miệng, trong tâm chẳng tin tưởng! Đó là giả tín, chẳng phải là chân tín. Do đó, chẳng thể vãng sanh. Người thật sự tin há còn lưu luyến thế giới này ư? Còn tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng ư? Hễ còn mảy may lưu luyến thế giới này, hễ có mảy may vướng mắc, đều là bất tín.

Người thật sự tin tưởng, đúng là thân, tâm, thể giới, hết thảy đều buông xuống. Sự buông xuống ấy chẳng phải là buông xuống nơi Sự, nơi Sự chẳng có chướng ngại, Sự Sự vô ngại. Trong tâm buông xuống, tâm địa thanh tịnh, trong tâm chỉ có Phật, chỉ có Tịnh Độ. Ngoài Tịnh Độ ra, trong thế giới Sa Bà này, đích xác là chẳng có chút vướng mắc nào. Chẳng có vướng mắc, mà cũng chẳng có ưu lự, đây là chân tín. Như vậy thì “*ngàn người tin, ngàn người sanh; vạn người tin, vạn người sanh*”, có ý nghĩa như vậy đó.

(Sao) Tín Phật danh tự, chư Phật tức cứu, chư Phật tức hộ.

(鈔)信佛名字，諸佛即救，諸佛即護。

(Sao: Tin vào danh hiệu Phật, chư Phật liền cứu, chư Phật liền hộ trì).

Đại sư nói những lời này đều nhằm nói rõ ý nghĩa tinh yếu, những lời dạy tinh thuần nhất trong kinh. Chỉ cần quý vị tin tưởng một câu “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, sẽ được hết thảy chư Phật hộ niệm, sẽ được hết thảy chư Phật cứu vớt, che chở. Bất luận kiếp nạn như thế nào, quý vị đều có thể tránh khỏi, đều có thể chẳng hứng chịu những tai nạn ấy. Phước báo ấy to cỡ nào? Hiện thời, bao nhiêu người đang cầu điều này, chẳng biết dùng phương pháp gì để cầu. Họ mê hoặc, điên đảo! Phương pháp thù thắng nhất, ôn hòa, thích đáng nhất bày ra ngay trước mặt, họ chẳng tin tưởng, chẳng có cách nào hết! [Áp dụng phương pháp ấy], Phật sẽ cứu

quý vị. Chẳng phải là một vị Phật, mà là tất cả hết thầy chư Phật đều cứu quý vị, tất cả hết thầy chư Phật đều hộ niệm quý vị.

(Sao) Tâm thường ức Phật, khẩu thường xưng Phật, thân thường kính Phật, thí danh thâm tín.

(鈔)心常憶佛，口常稱佛，身常敬佛，始名深信。

(Sao: Tâm thường nhớ Phật, miệng thường niệm Phật, thân thường kính Phật thì mới gọi là “tín sâu”).

Đây là nêu ra tiêu chuẩn của Tín, nêu ra tướng trạng của Tín. Như thế nào thì mới gọi là “*thâm tín*”? Trong tâm thật sự có Phật, miệng thường niệm Phật, thân thường kính Phật, tức là chúng ta từ sáng đến tối xử sự, đãi người, tiếp vật, hết thầy cung kính thì mới gọi là “*thâm tín*”.

(Sao) Nhậm ý tảo vãn, chung vô tái trụ Diêm Phù chi pháp.

(鈔)任意早晚，終無再住閻浮之法。

(Sao: Tùy ý [vãng sanh] sớm hay trễ, trọn chẳng còn vương mắc trong các pháp của cõi Diêm Phù Đề).

“*Nhậm ý*” [ở đây] có nghĩa là tự tại, sanh tử tự tại, vãng sanh tự tại. “*Tảo vãn*” là gì? Ta mong sớm có ngày đến thế giới Cực Lạc, hoặc ta mong đến đó trễ một chút, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể tùy thuộc ý muốn của chính mình: Muốn đi bèn đi, muốn ở thêm vài năm cũng chẳng trở ngại, quyết định chẳng còn có lẽ nào bị luân hồi! “*Tái trụ Diêm Phù chi pháp*” (Còn vương mắc trong các pháp của cõi Diêm Phù Đề) nghĩa là phải luân hồi trong lục đạo. [Người chân tín, chân nguyện, chân hạnh] chẳng luân hồi trong lục đạo, chẳng còn bị luân hồi trong lục đạo nữa, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, sanh tử tự tại. Còn như vãng sanh sớm hay muộn, tuyệt đối chẳng phải là do tham luyến thế giới này. [Nếu nghĩ] “*ta vẫn chẳng mong vãng sanh, phải qua mấy năm nữa rồi mới đi*”, kẻ ấy chẳng thể vãng sanh được! Nguyên nhân gì khiến cho người ấy (người vãng sanh tự tại) lưu lại? Hãy còn có những kẻ hữu duyên cần chúng ta khuyên dạy, độ họ, chỉ có lý do này. Hóa duyên (duyên giáo hóa) đã hết, bèn ra đi. Lại quan sát, [nhận thấy] chẳng còn có kẻ hữu duyên nào nữa, ta ở nơi đây vô ích, căn tánh của những kẻ đó chẳng chín muồi, ta có khuyên, họ cũng chẳng thể nghe, chẳng thể tiếp nhận, ta hãy nên đến thế giới Cực Lạc. Nếu còn có người mà ta khuyên họ, họ chịu tin tưởng, và cũng chịu nghiêm túc phát nguyện niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, [vậy thì] ta chưa nên đi, phải giúp đỡ họ. Đạo lý là như thế đó. Chư Phật, Bồ Tát

ứng hóa trên thế gian hoàn toàn là do cái duyên hóa độ chúng sanh. Duyên tụ, Phật, Bồ Tát bèn đến. Duyên hết, các Ngài ra đi. Trong ấy, tuyệt đối chẳng có chuyện cảm tình. Hễ có cảm tình thì sẽ phải luân hồi trong lục đạo.

(Sao) Thử sách phát tín tâm, tối vi thiết yếu dã.

(鈔)此策發信心，最為切要也。

(Sao: Lời dạy này (lời dạy của hòa thượng Đại Hạnh) nhằm sách tấn [hành nhân Tịnh Tông nhận biết] phát khởi tín tâm là điều thiết yếu nhất).

Đây là Thanh Lương đại sư tán thán phương pháp niệm Phật do hòa thượng Đại Hạnh đã dạy. “Sách” (策) là cảnh sách (警策: cảnh tỉnh, răn nhắc và cổ vũ), khuyên người ta hãy phát tâm. Bốn chữ ấy đơn giản, ngắn gọn, trọng yếu, “tín, ước, xưng, kính”.

(Diễn) Lũy ngôn bất trí giả, như: “Tín vô cầu trước, tâm thanh tịnh, Tín năng tất thí tâm vô lận. Tín năng hoan hỷ nhập Phật pháp. Tín năng tăng trưởng trí công đức. Tín năng tất đáo Như Lai địa” đẳng.

(演)累言不置者，如信無垢濁心清淨，信能悉施心無吝，信能歡喜入佛法，信能增長智功德，信能必到如來地等。

(Diễn: “Nói nhiều lần chẳng thôi”: Như Tín chẳng có cầu trước, tâm sẽ thanh tịnh. Do tín tâm, nên có thể phát tâm bố thí chẳng keo kiệt. Do tín tâm, nên có thể hoan hỷ khế nhập Phật pháp. Do tín tâm, nên có thể tăng trưởng công đức nơi trí huệ. Do tín tâm, nên ắt có thể đạt đến địa vị Như Lai v.v...)

Điều này trích từ một bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm: “Tín vô cầu trước, tâm thanh tịnh” (Lòng tin chẳng có cầu trước, tâm sẽ thanh tịnh). Câu này có cùng ý nghĩa với câu kinh Kim Cang: “Tín tâm thanh tịnh, ắt sanh Thật Tướng”, cảnh giới tương đồng. Đối với thế giới Tây Phương, đối với A Di Đà Phật, chúng ta nầy sanh tín tâm chân thật, tâm quý vị bèn thanh tịnh. Vì sao thanh tịnh? Thân, tâm, thể giới, hết thảy đều buông xuống, lẽ đâu chẳng thanh tịnh? [Đương nhiên là] thanh tịnh. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Tây Phương là Thật Tướng, một câu A Di Đà Phật sáu chữ hồng danh là Thật Tướng.

“*Tín năng tất thí tâm vô lận*” (Do tín tâm, nên có thể phát tâm bồ thí chẳng keo kiệt), câu này nói đến sự buông xuống. Nhất tâm nhất ý đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, [đối với tất cả những thứ] trong cõi này đều có thể buông xuống, đều có thể thí xả, tuyệt đối chẳng còn có mảy may keo kiệt nào, thật sự buông xuống.

“*Tín năng hoan hỷ nhập Phật pháp*” (Do tín tâm, nên có thể hoan hỷ khế nhập Phật pháp): Pháp hỷ sung mãn, do tín tâm thanh tịnh, bèn có thể tiến nhập Phật pháp. Câu này thông thường là nói đến sự chứng quả và chứng nhập trong tu hành. Chứng quả vị như thế nào? Quả vị thấp nhất là Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo. Kinh Kim Cang nói “*tín tâm thanh tịnh, tắc sanh Thật Tướng*” (tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng), “*sanh Thật Tướng*” là thấy Chân Như bản tánh. Chân Như bản tánh là Thật Tướng, Thiền Tông nói là “*minh tâm kiến tánh*”. Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần chân tánh, thì gọi là “*nhập Phật pháp*”. “*Nhập*” ở đây là chứng nhập, khế nhập, đây là Pháp Thân đại sĩ. Tu học Đại Thừa rất nhanh! Trong pháp Đại Thừa, cách Trì Danh Niệm Phật của Tịnh Tông là chẳng thể nghĩ bàn nhất. Chỉ cần quý vị chuyên tín, nói thật ra, quý vị nay tuy vẫn chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là nói chúng ta trong hiện tại, đối với pháp môn Tịnh Tông và năm kinh Tịnh Độ, thật sự tin sâu, chẳng ngờ vực mảy may, thật sự nguyện, thật sự niệm Phật, thì ngay trong hiện tiền, quý vị có địa vị bằng với Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, bằng với Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Hiện tiền đã là bất thoái! Sau khi vãng sanh, sẽ từ cơ sở này, chẳng ngừng tiến lên cao hơn. Tăng bao nhiêu cấp, tùy thuộc mức độ dụng công của quý vị.

“*Tín năng tăng trưởng trí công đức*” (Do tín tâm, nên có thể tăng trưởng công đức nơi trí huệ), người ấy không ngừng tiến cao hơn.

“*Tín năng tất đáo Như Lai địa*” (Do tín tâm, ắt có thể đạt đến địa vị Như Lai), địa vị Như Lai là thành Phật viên mãn rốt ráo, đều gồm trong chữ Tín. Chư vị phải hiểu: Hễ còn có vướng mắc, còn có cách nghĩ ấy, còn có điều gì chẳng buông xuống được, đều gọi là “*bất tín*”.

Tôi hy vọng quý vị chép mấy câu này vào sổ tay để thường đọc, hòng kiểm nghiệm xem tín tâm của chúng ta rốt cuộc là thật hay giả? Chúng ta tin tới mức độ nào? Pháp môn này đúng là mẫu nhiệm đến cùng cực!

(Sớ) Tín giả, bất nghi chi vị.

(疏)信者，不疑之謂。

(Sớ: Tín có nghĩa là chẳng nghi).

Chẳng có mảy may nghi hoặc, hoàn toàn khẳng định. Đó là Tín.

(Sớ) Thọ giả, tín dĩ nhi lãnh nạp bất vong chi vị.

(疏)受者，信已而領納不忘之謂。

(Sớ: “Thọ” là đã tin rồi bèn nhận lãnh chẳng quên).

“Thọ” (受) có nghĩa là tiếp nhận. Sau khi ta đã tin tưởng, đối với những lý luận do đức Phật đã dạy trong kinh điển, ta đều tiếp nhận, ta nương theo đạo lý ấy để thực hiện. Đối với phương pháp do đức Phật đã dạy, ta hoàn toàn tiếp nhận, tuân theo phương pháp ấy để tu học. Đối với cảnh giới do đức Phật đã giảng, ta hoàn toàn tiếp nhận, ta tu hành, nhất định sẽ dần dần khế nhập cảnh giới ấy. Đó là Thọ. Có lắm kẻ chẳng hiểu ý nghĩa của Thọ, cứ ngỡ mỗi ngày niệm kinh này một lần là Thọ Trì, há có chuyện dễ dàng như vậy! Đó gọi là đọc tụng, thọ trì là chuyện khác hẳn. “Thọ” là thật sự tiếp nhận lý luận, phương pháp, cảnh giới, và các thứ giáo huấn của đức Phật, thấy đều tiếp nhận, nghiêm túc thực hiện thì mới là Thọ. Thực hiện cho đến hết tuổi thọ, quyết định chẳng trái nghịch, đó là Trì. Trì (持) là gìn giữ, là tiếp nối, chẳng gián đoạn giữa chừng, ta vĩnh viễn làm như vậy.

(Sớ) Tín nhi bất thọ, do phát tín dã.

(疏)信而不受，猶弗信也。

(Sớ: Tín mà chẳng nhận lấy thì cũng như chẳng tin).

Nếu như tin, đã tin nhưng chẳng tiếp nhận, vậy thì niềm tin ấy chẳng đạt được lợi ích, vẫn là luống uổng. Vì thế, sau Tín, nhất định phải là Thọ, Thọ rồi nhất định phải Hành, công đức mới là viên mãn, mới là “*phước huệ nhị nghiêm*” thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, chúng ta lý giải, hiểu rất rõ ràng, minh bạch, biểu hiện ra ngoài đúng là pháp hỷ sung mãn. “*Pháp hỷ sung mãn*” chính là cuộc sống sung sướng mỹ mãn mà người thế gian hết sức hâm mộ. Cuộc sống thật sự sung sướng mỹ mãn chỉ có người niệm A Di Đà Phật, chuyên tu Tịnh Độ mới có. Thật sự sung sướng, thật sự hạnh phúc, thật sự mỹ mãn!

(Sao) Tín nhi bất thọ.

(鈔)信而不受。

(Sao: Tín mà chẳng nhận).

Đã tin nhưng chẳng tiếp nhận.

(Sao) Thí như hữu nhân, quỹ dĩ dị bảo.

(鈔)譬如有人，饋以異寶。

(Sao: Ví như có người được tặng báu vật lạ lùng).

“Quỹ” (饋, 餽) là biếu tặng. Có người tặng quà cho quý vị, đưa tặng bảo vật hết sức quý báu, lạ lùng.

(Sao) Tuy tri thị bảo, thâm tín vô nghi.

(鈔)雖知是寶，深信無疑。

(Sao: Tuy biết là của báu, tin sâu chẳng nghi).

Biết đó là của báu, kể ra cũng đã nhận biết giá trị.

(Sao) Nhiên cự chi bất nạp, tín diệc hà ích?

(鈔)然拒之不納，信亦何益。

(Sao: Nhưng cự tuyệt chẳng nhận, tín có ích gì đâu?)

Không tiếp nhận! Sau khi đã tin như vậy, chẳng đạt được lợi ích.

(Sao) Cố viết do phát tín dã.

(鈔)故曰猶弗信也。

(Sao: Nên nói là “cũng như chẳng tin”).

Vậy thì chẳng khác gì không tin! Vì thế, Tín thì nhất định phải Thọ, Thọ rồi nhất định phải Hành. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.